

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIM THÀNH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/6/2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hứa Thị Hương và bà Nguyễn Thị Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Bẩy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 05 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2022; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 06/2022/TB-TA ngày 08/6/2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh **Trần Văn C**, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh Trần Văn C kết hôn vào ngày 27/8/2002 trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, quan điểm thường xuyên không thống nhất, vợ chồng nhiều lần xảy ra việc mâu thuẫn cãi cọ lẫn nhau. Do điều kiện kinh tế khó khăn, chị đã bàn bạc với anh C để đi nước ngoài làm ăn. Trong thời gian chị làm ăn bên nước ngoài, vợ chồng nhiều lần mâu thuẫn cãi cọ nhau trên điện thoại. Đến ngày 21/7/2021, chị về nước, nhưng chị và anh C không về chung sống cùng nhau mà mỗi người sống một nơi. Anh C có 2 lần đến tìm chị nhưng không phải tìm chị về đoàn tụ mà đánh chửi chị. Chị xác định vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2/2019 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị L xét thấy thực sự tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Quan điểm của chị L xin được ly hôn anh C để giải phóng cho đôi bên khỏi giằng buộc.

Tại biên bản lấy lời khai Bị đơn anh Trần Văn C trình bày: Anh C xác định kết hôn với chị L vào năm 2001 trên cơ sở tự nguyện được đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì lớn, đến năm 2003, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng đã bàn bạc để chị L đi lao động ở Đài Loan, chị L đi được 2 năm thì về nước và làm công nhân tại công ty bao bì và một số công ty khác. Đến năm 2017, chị L được gia đình lo cho đi lao động tại Nhật Bản làm ăn đến năm 2021 thì về nước nhưng chị L không về chung sống với anh mà về nhà mẹ đẻ ở. Đã 2 lần anh sang nhà mẹ chị L nói chuyện để chị L về đoàn tụ cùng anh nhưng chị L không về và nói về sợ anh giết, nhưng thực tế anh không có việc đe dọa đó. Anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chị L xin ly hôn thì anh mong muốn chị L suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ. Còn nếu chị L vẫn cương quyết xin ly hôn anh thì anh đành chịu và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị L và anh C đều xác định vợ chồng có 1 con chung là Trần Đức L, sinh năm 2002. Nay cả hai có quan điểm con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Chị L và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Lê Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh C và không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Anh Trần Văn C vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng

cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Quan điểm VKS đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn anh C; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng : Anh Trần Văn C là Bị đơn trong vụ án, được Tòa án triệu tập hai lần hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Chị Lê Thị L là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị L và anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Trần Văn C kết hôn với nhau trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị Lê Thị L thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên là do tính tình không hợp, cùng với việc kinh tế gia đình khó khăn nên chị L phải đi làm ăn xa nhà, dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi cọ nhau. Quá trình giải quyết vụ án chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra sau khi kết hôn được 3 năm và tha thiết xin được ly hôn anh C. Tòa án triệu tập anh C nhiều lần đến Tòa án để hoà giải, song anh C đều không đến. Như vậy, mặc dù anh C mong muốn vợ chồng đoàn tụ, song anh đã bỏ mặc mà không tìm kiếm được các biện pháp để hàn gắn đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh C mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị L xin được ly hôn anh Trần Văn C là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 1 con chung là Trần Đức L, sinh năm 2002. Xét thấy con chung của chị L và anh C đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra việc giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị L và anh Trần Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị L có đơn yêu cầu ly hôn nên phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị L, cho ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra việc giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2020/0002542 ngày 15 tháng 11 năm 2021.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA Dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã K, huyện K (nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**